

NHẬN DIỆN, PHẢN BÁC LUẬN ĐIỀU CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH VỀ CÁI GỌI LÀ “QUYỀN CỦA DÂN TỘC BẢN ĐỊA” Ở VIỆT NAM

✦ ThS VŨ THỊ CÚC

TS HÀ DIỆU THU

Học viện Chính trị khu vực IV

Ngày tiếp nhận: 23/12/2024 Ngày bình duyệt: 17/01/2025 Ngày duyệt đăng: 15/6/2025

● **Tóm tắt:** Trong những năm qua, các thế lực thù địch tăng cường chống phá cách mạng Việt Nam dưới nhiều hình thức, với những thủ đoạn tinh vi. Một trong những chiêu bài được chúng sử dụng là dựa vào bản “Tuyên ngôn về quyền của các dân tộc bản địa” do Đại Hội đồng Liên hợp quốc thông qua để đưa ra luận điệu Việt Nam có “dân tộc bản địa” nhưng đã không thực thi các “quyền của dân tộc bản địa”. Đây là lập luận hoàn toàn sai lầm, phản ánh không đúng thực tế ở Việt Nam. Bài viết làm rõ tính chất phản khoa học, thiếu căn cứ; từ đó, phản bác lại luận điệu xuyên tạc này.

● **Từ khóa:** Phản bác, luận điệu, quyền dân tộc bản địa, Việt Nam

Những năm qua, các thế lực thù địch thường xuyên tuyên truyền về cái gọi là “quyền của dân tộc bản địa” ở Việt Nam. Chúng cho rằng “Việt Nam có dân tộc bản địa” nhưng Việt Nam đã không thực thi các “quyền của dân tộc bản địa”. Đồng thời, chúng còn kích động một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số gây ra một số “điểm nóng” chính trị - xã hội ở Tây Nguyên, Tây Bắc và Tây Nam Bộ, gây mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc và làm giảm lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước. Do đó, việc nhận diện rõ âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề “quyền của dân tộc bản địa” để chống phá cách mạng Việt Nam là nhiệm

vụ cấp thiết, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội và thúc đẩy sự phát triển bền vững đất nước.

1. Về thuật ngữ “dân tộc thiểu số” và “dân tộc bản địa”

Các thế lực thù địch thường sử dụng phương thức đánh tráo khái niệm “dân tộc thiểu số” và “dân tộc bản địa” nhằm mục đích xuyên tạc, bóp méo quá trình xây dựng và thực thi các chính sách về quyền của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Tuy nhiên, “dân tộc thiểu số” và “dân tộc bản địa” là hai quan niệm hoàn toàn khác nhau.

“Dân tộc thiểu số” chỉ những dân tộc (tộc người) có số dân ít, cư trú trong một quốc gia thống nhất có nhiều dân tộc cùng

nhau sinh sống. Theo khoản 2, Điều 4, Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc, “dân tộc thiểu số là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”¹. Xuất phát từ tình hình cụ thể của Việt Nam, các nhà khoa học đã dựa vào ba tiêu chí để quy định thành phần dân tộc, đó là: tiếng nói, văn hóa và ý thức tự giác dân tộc (tộc người). Các tiêu chí này chỉ căn cứ vào số lượng người của dân tộc này nhiều hơn hay ít hơn trong quan hệ so sánh với dân tộc khác. Như vậy, bất kể cộng đồng người nào ở nước ta có tiếng nói riêng, văn hóa riêng và có ý thức tự giác tộc người thì đều được công nhận là một tộc người riêng biệt. Việc xác định các tiêu chí như trên để công nhận thành phần các dân tộc là phù hợp với tình hình cụ thể ở nước ta, bảo đảm quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về vấn đề bình đẳng giữa các dân tộc. Những tiêu chí xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam được giới dân tộc học Việt Nam bắt đầu nghiên cứu từ những năm 60, 70 của thế kỷ XX và đã được Nhà nước áp dụng trong các cuộc Tổng điều tra dân số. Năm 1979, được sự ủy quyền của Hội đồng Chính phủ, Tổng cục Thống kê đã công bố bảng danh mục thành phần các dân tộc, theo đó, Việt Nam có tất cả 54 dân tộc, trong đó có 01 dân tộc đa số (dân tộc Kinh) và 53 dân tộc thiểu số². Việc công bố bảng danh mục thành phần các dân tộc với ba tiêu chí cơ bản như trên là căn cứ rất quan trọng, góp phần vào sự thành công của việc hoạch định, xây dựng và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta.

“Dân tộc bản địa” là thuật ngữ được ra đời cùng với quá trình xâm lược thuộc địa, mở rộng thị trường và truyền bá tôn giáo vào các quốc gia thuộc khu vực Á, Phi và Mỹ Latinh của các nước tư bản phương Tây từ khoảng thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX. Liên hợp quốc cho rằng: “Dân tộc bản địa hay còn gọi là thổ dân, là nhóm người đã từng có mặt trên một khu vực đất đai, trước ngày di dân của nhóm dân tộc khác vào lãnh thổ của họ”³. Ví dụ: những người thổ dân ở châu Đại Dương, hay những người Mỹ gốc thổ dân, thường gọi là người da đỏ ở Mỹ (người Anh-điêng), họ là những “dân tộc bản địa”. Trong lịch sử thế giới, “dân tộc bản địa” là nhóm những người thường bị thiệt thòi, chịu nhiều đau khổ, bất hạnh và sống trong nghèo khổ do chính sách cai trị, nô dịch của thực dân, đế quốc. Tuy nhiên, những năm gần đây, nhận thức và hành động về các quyền của người bản địa đã có những bước tiến và thay đổi lớn ở các quốc gia trên thế giới. Năm 1993, Đại Hội đồng Liên hợp quốc công nhận là *Năm quốc tế về các dân tộc bản địa* và từ năm 1995 - 2004 là *Thập kỷ quốc tế về các dân tộc bản địa*. Nghị quyết số 61/295 của Đại Hội đồng Liên hợp quốc thông qua *Tuyên ngôn về quyền của các dân tộc bản địa* chính là đề cập đến những nhóm người này, trong đó khẳng định, “các dân tộc bản địa, khi thực hành các quyền của họ, phải được tự do khỏi sự phân biệt dưới bất kỳ hình thức nào”⁴.

Như vậy, quan niệm “dân tộc bản địa” và “dân tộc thiểu số” thường bị “nhầm lẫn” ở một số vùng lãnh thổ và quốc gia trên thế giới vì nhiều lý do khác nhau. Hiện nay, nhiều vùng lãnh thổ và quốc gia trên thế giới đã chính thức công bố rằng, họ không có “dân tộc bản địa”, mà chỉ có “dân tộc thiểu số”.

2. Thực chất về cái gọi là “quyền của dân tộc bản địa” ở Việt Nam

Nhằm thực hiện âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, các thế lực thù địch thường xuyên xuyên tạc về cái gọi là “quyền của dân tộc bản địa” ở Việt Nam để chống phá Đảng và Nhà nước.

Chúng đã triệt để lợi dụng một số nội dung trong *Tuyên ngôn về quyền của các dân tộc bản địa* được Đại Hội đồng Liên hợp quốc thông qua theo Nghị quyết số 61/295, ngày 13/9/2007, đặc biệt là các nội dung trong Điều 3, Điều 4 và Điều 5 với các quyền như: quyền tự quyết về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của các dân tộc bản địa; quyền tự trị, tự điều hành nhà nước; quyền duy trì, củng cố các thiết chế về chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội⁵. Từ đó, chúng đưa ra những yêu cầu đòi Việt Nam phải công nhận một số dân tộc thiểu số như dân tộc Khmer, dân tộc Chăm và một số đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên là “dân tộc bản địa”, đồng thời chúng cố tình áp đặt, suy diễn cho rằng Việt Nam đã không thực thi các “quyền của dân tộc bản địa”. Ngoài ra, chúng còn kích động tư tưởng ly khai, tự trị trong một bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số.

Lợi dụng Nghị quyết số 61/295 của Đại Hội đồng Liên hợp quốc, liên minh Hội đồng tối cao các dân tộc bản địa Việt Nam ngày nay (SCIP-TVN) do các tổ chức phản động lưu vong như Hội đồng phát triển văn hóa - xã hội Champa, Hội đồng tối cao Campuchia-Krom, Hội đồng Dân tộc Thượng thành lập ở North Carolina Mỹ ngày 22/9/2012 đã chủ trương đưa ra ba mục tiêu: (1) “Kêu gọi Chính phủ Việt Nam phải công nhận dân tộc Thượng, Campuchia - Krom và Chăm là

dân tộc bản địa”; (2) “Yêu cầu Chính phủ Việt Nam phải thực thi những điều khoản nêu trong *Tuyên ngôn về quyền của các dân tộc bản địa* mà Chính phủ Việt Nam đã ký kết”; (3) “Kêu gọi các tổ chức của Liên hợp quốc đóng vai trò tích cực trong cuộc vận động đấu tranh của SCIP-TVN phù hợp với *Tuyên ngôn về quyền của các dân tộc bản địa* của Liên hợp quốc”⁶.

Ở Việt Nam, thuật ngữ “dân tộc bản địa” chỉ xuất hiện vào thời kỳ đất nước bị xâm lược và đô hộ. Trong thời kỳ này, thực dân Pháp chia cắt đất nước thành ba kỳ, nước Việt Nam bị mất tên, trở thành xứ An Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp. Lúc này, tất cả các dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam đều gọi là “dân tộc bản địa” hay “người bản xứ”, tức là bao gồm cả dân tộc Kinh và các dân tộc thiểu số khác, để phân biệt với kẻ thù xâm lược từ bên ngoài.

Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, người dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước; kể từ đây, thuật ngữ “dân tộc bản địa” hay “người bản xứ” chỉ còn xuất hiện trên các tư liệu lịch sử. Như vậy, hiện nay Việt Nam không có “dân tộc bản địa” hay “người bản xứ”. Hiến pháp năm 2013 quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”⁷; “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội”⁸.

Từ những lập luận nêu trên, có thể khẳng định, hiện nay Việt Nam không có “dân tộc bản địa” hay “người bản xứ”. Luận điệu

cho rằng, các dân tộc thiểu số như dân tộc Khmer, dân tộc Chăm và một số đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên là “dân tộc bản địa” và Việt Nam đã không thực thi các “quyền của dân tộc bản địa” của các thế lực thù địch là chiêu bài nhằm thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Bảo đảm các quyền của đồng bào dân tộc thiểu số là bản chất của chế độ, nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước Việt Nam

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, trong đó người Kinh chiếm đa số, với tỷ lệ 85,3% dân số; 53 dân tộc thiểu số chiếm 14,7% dân số⁹. Trong suốt chiều dài lịch sử, đồng bào các dân tộc ở Việt Nam luôn sống đan xen, hòa hợp, gắn bó, đoàn kết với nhau trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước, cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú và thống nhất của nền văn hóa các dân tộc Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi mới thành lập (1930) đã rất xem trọng vấn đề dân tộc và bảo đảm các quyền của đồng bào dân tộc thiểu số, coi đây là một trong những nội dung có ý nghĩa sống còn trong toàn bộ chiến lược cách mạng của Đảng. Đối với nước ta, dân tộc thiểu số vừa là vấn đề dân tộc, vừa là vấn đề giai cấp, vừa là vấn đề miền núi, vừa là vấn đề căn cứ địa cách mạng, đồng thời là vấn đề nông dân, vấn đề liên minh công nông. Hiến pháp năm 1946 quy định: “Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện chính trị - kinh tế - văn hóa”¹⁰; “Ngoài sự bình đẳng về quyền lợi, những quốc dân thiểu số được giúp đỡ về mọi phương diện để chóng tiến kịp trình độ

chung”¹¹. Kế thừa các quan điểm chỉ đạo trong Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, năm 1980, năm 1992 và Hiến pháp năm 2013 tiếp tục hiến định một cách toàn diện, sâu sắc hơn nữa; đồng thời, nhất quán quan điểm là bảo đảm sự bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và tôn trọng giữa các dân tộc, coi trọng quyền con người và quyền công dân, gắn với phát triển bền vững và tiến bộ xã hội.

Ngày 12/3/2003, Ban Chấp hành Trung ương ban hành *Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc*, trong đó xác định những nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách là: “Đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số, trọng tâm là đồng bào ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa; củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng dân tộc thiểu số. Đổi mới nội dung, phương thức công tác dân tộc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”¹².

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, nhằm phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ngày 30/10/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 65-KL/TW về *tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới*. Theo đó, Bộ Chính trị đã nêu tám nội dung yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể nhân dân các cấp tiếp tục thực hiện; đồng thời, xác định công tác dân tộc là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách.

Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Tạo sinh kế, việc làm, định canh, định cư vững chắc cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Tập trung triển khai hiệu quả Chương trình

mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số có dưới 10 nghìn người, đặc biệt là những dân tộc thiểu số có nguy cơ suy giảm giống nòi”¹³.

Nhờ chủ trương, đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, trong những năm qua, công tác dân tộc ở nước ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, các quyền của đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được bảo đảm đầy đủ. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, trong đó các tỉnh vùng Tây Bắc tăng bình quân 8,4 %/năm, Tây Nguyên tăng bình quân 8,1 %/năm, Tây Nam Bộ tăng bình quân 7,3%/năm; đến cuối năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số cả nước còn 18%, cận nghèo là 10%¹⁴. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào được nâng lên rõ rệt. Diện mạo nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số không ngừng được khởi sắc, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới.

Hệ thống kết cấu hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được quan tâm, ưu tiên tập trung đầu tư hệ thống các công trình thủy lợi; điện, đường, trường, trạm cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của đồng bào, thúc đẩy phát triển kinh tế. Theo số liệu thống kê, tính đến năm 2023, cả nước có 100% xã miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số có điện lưới quốc gia; trên 98% xã có điểm liên lạc điện thoại công cộng; có hơn 3.000 điểm truy cập viễn thông công cộng cho người dân; mạng điện thoại di động đã phủ sóng khắp vùng đồng bào dân tộc thiểu số với tỉ lệ phủ sóng mạng di động băng rộng 4G đạt 99,8% tổng dân số¹⁵.

Công tác phát triển giáo dục, đào tạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã có những tiến bộ đáng khích lệ và ngày càng được nâng cao. Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết cho đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện theo Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ về quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên. Hiện nay, cả nước chính thức triển khai dạy và học 06 thứ tiếng dân tộc thiểu số (Mông, Chăm, Khmer, Gia Rai, Ba Na, Ê Đê) ở 22 tỉnh, thành phố trong cả nước với quy mô 756 trường, 5.267 lớp, với gần 175 nghìn học sinh. Bên cạnh đó, còn có 09 thứ tiếng dân tộc thiểu số gồm: tiếng Hoa, Chăm, Thái, Cơ Tu, Tà Ôi, Pa Kô, Vân Kiều, Tày, Nùng, Xtiêng đang được 16 tỉnh, thành phố trong cả nước tiến hành dạy thực nghiệm trong các trung tâm giáo dục thường xuyên và trường phổ thông¹⁶.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe đã đạt được những thành tựu quan trọng, mạng lưới y tế phát triển rộng khắp đến tất cả các xã. Đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản. Mạng lưới y tế phát triển, hệ thống bệnh viện tỉnh, huyện và trạm y tế xã được quan tâm đầu tư. Hiện nay, trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số có 99,4% số xã có trạm y tế, trong đó có khoảng 60% trạm y tế xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; có 96,12% người dân tộc thiểu số sử dụng thẻ bảo hiểm y tế¹⁷.

Hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được hoàn thiện. Năng lực và trình độ chuyên môn của cán bộ là người dân tộc thiểu số ngày càng được nâng lên rõ rệt. Quốc hội khóa XV (nhiệm kỳ 2021 - 2026) có 89 đại biểu là người dân tộc thiểu số, chiếm 17,8% tổng số đại

biểu Quốc hội, cao hơn so với Quốc hội khóa XIV (17,3%)¹⁸ và cao nhất trong các khóa Quốc hội.

Quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số được giữ vững và ổn định. Từ Trung ương đến các địa phương đều quan tâm, chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số tham gia thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; tích cực tham gia vào quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách. Qua đó, tăng cường gắn kết các dân tộc, tạo nên sức mạnh và niềm tin lớn nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Những thành tựu trên đã góp phần từng bước thu hẹp khoảng cách về thu nhập và mức sống giữa các vùng, các dân tộc trong cả nước; củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc thiểu số với Đảng và Nhà nước. Thành công của chính sách dân tộc thời gian qua cũng chính là những minh chứng sinh động cho sự đúng đắn trong chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước chính là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Để chủ động đấu tranh có hiệu quả với những âm mưu, hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, nhất là việc xuyên tạc về cái gọi là “quyền của dân tộc bản địa” nhằm kích động tư tưởng “ly khai”, “tự trị” ở Việt Nam, thời gian tới các ngành, các cấp, các địa phương cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác

dân tộc trong tình hình mới. Đây là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa then chốt trong giữ vững ổn định chính trị - xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm thực hiện công tác dân tộc một cách toàn diện, thực chất và hiệu quả.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số. Quá trình tuyên truyền cần lồng ghép có hệ thống nội dung phản bác các quan điểm sai trái, thù địch lợi dụng vấn đề “quyền của dân tộc bản địa” để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Đồng thời, chú trọng kiện toàn, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số, đặc biệt là bố trí cán bộ dân tộc thiểu số vào các vị trí chủ chốt phù hợp.

Thứ ba, phát huy hiệu quả các nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế của từng địa phương để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Cần tập trung giải quyết các vấn đề thiết yếu liên quan đến đời sống vật chất, tinh thần của người dân; rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách dân tộc cho phù hợp với thực tiễn; nâng cao hiệu quả triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, tăng cường hợp tác quốc tế, xã hội hóa nguồn lực, thúc đẩy đào tạo nghề, tạo việc làm, khuyến khích và hỗ trợ các mô hình sản xuất, kinh doanh do đồng bào dân tộc thiểu số làm chủ.

Thứ tư, xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là tại các địa bàn trọng điểm, khu vực biên giới. Chủ động nắm chắc tình hình, xử lý kịp thời những mâu thuẫn phát sinh từ cơ sở, không để bị động, bất ngờ hoặc hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự.

Thứ năm, chủ động, tích cực triển khai đấu tranh ngoại giao trên các lĩnh vực dân tộc, tôn giáo. Cần lồng ghép linh hoạt nội dung đấu tranh về vấn đề dân tộc, tôn giáo vào các hoạt động đối ngoại song phương và đa phương, nhất là trong các diễn đàn, hội nghị quốc tế quy mô lớn, góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, đồng bào các dân tộc Việt Nam luôn đoàn kết chống giặc ngoại xâm, vượt qua thiên tai, thử thách để cùng nhau xây dựng một quốc gia độc lập, thống nhất và ngày càng phát triển. Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, quyền của đồng bào các dân tộc thiểu số luôn được bảo đảm toàn diện phù hợp với Hiến pháp, pháp luật và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Do vậy, luận điệu đòi “quyền của dân tộc bản địa” ở Việt Nam chỉ là chiêu bài chính trị mà các thế lực thù địch lợi dụng để xuyên tạc, kích động chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, gây bất ổn chính trị - xã hội và cản trở sự phát triển bền vững của đất nước. Các ngành, các cấp, các địa phương cần kiên quyết phản bác các luận điệu sai trái, thù địch; đồng thời nâng cao nhận thức, tinh thần cảnh giác trong toàn xã hội nhằm bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ vững ổn định chính trị và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới. ■

¹ Chính phủ: *Nghị định số 05/2011/NĐ-CP* ngày 14/01/2011 về công tác dân tộc.

² Tổng cục Thống kê: *Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ* ngày 02/3/1979 về danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam.

³ Hội đồng Lý luận Trung ương: *Luận cứ phê phán các quan điểm sai trái, thù địch*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2014, tr.315.

^{4, 5} *Tuyên ngôn về quyền của các dân tộc bản địa 2007* (Thông qua bởi Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc theo Nghị quyết số 61/295 ngày 13/9/2007), <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Tuyen-ngon-ve-quyen-cua-cac-dan-toc-ban-dia-2007-276380.aspx>, truy cập ngày 20/10/2024.

^{6, 9} Vũ Trường Giang: Phê phán quan điểm về “dân tộc bản địa” ở Việt Nam, *Tạp chí Lý luận chính trị*, 2023, số 2 (540), tr.81.

^{7, 8} Quốc hội: *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Điều 14, Điều 16.

¹⁰ Quốc hội: *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946*, Điều 6.

¹¹ Quốc hội: *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946*, Điều 8.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc* (Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2003, tr.37 - 39.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.140 - 141.

¹⁴ Phương Liên: *Vai trò quan trọng của công tác dân tộc trong xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc*, <https://dangcongsan.vn/bao-dam-quyen-cho-nguoi-dan-toc-thieu-so/dua-cong-uoc-vao-cuoc-song/vai-tro-quan-trong-cua-cong-tac-dan-toc-trong-xoa-bo-moi-hinh-thuc-phan-biet-chung-toc-645536.html>, truy cập ngày 08/9/2023.

^{15, 17} Nguyễn Thiện Tân, Võ Văn Thắng: *Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, <https://www.xaydungdang.org.vn/nhan-quyen-va-cuoc-song/phan-trien-kinh-te-xa-hoi-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-theo-tinh-than-nghi-quyet-dai-hoi-xiii-cua-dang-21151>, truy cập ngày 02/7/2024.

¹⁶ Quang Dũng: *Việt Nam sớm thực hiện chính sách ngôn ngữ và dạy học tiếng dân tộc*, <https://dangcongsan.vn/bao-dam-quyen-cho-nguoi-dan-toc-thieu-so/dua-cong-uoc-vao-cuoc-song/viet-nam-som-thuc-hien-chinh-sach-ngon-ngu-va-day-hoc-tieng-dan-toc-645694.html>, truy cập ngày 31/10/2023.

¹⁸ Thu Lan: *Thúc đẩy quyền tham gia của người dân tộc thiểu số vào Quốc hội*, <https://dangcongsan.vn/xa-hoi/thuc-day-quyen-tham-gia-cua-nguoi-dan-toc-thieu-so-vao-quoc-hoi-653881.html>, truy cập ngày 01/12/2023.